

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 374/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nông Thị S**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Tổ A, phường N, thành phố T, tØnh T**.

- *Bị đơn*: Anh **Phan Anh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **Thôn A, xã K, thành phố T, tØnh T**.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nông Thị S** và anh **Phan Anh T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là **Phan Anh V**, sinh ngày 05/10/2015 cho chị **Nông Thị S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh **Phan Anh T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do hiện tại chị **S** không yêu cầu. Anh **Phan Anh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị **Nông Thị S** và anh **Phan Anh T** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị **Nông Thị S** và anh **Phan Anh T** xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Nông Thị S** tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên hệ thống thông tin điện tử số 000000832375 ngày 07/12/2023, mã Thông báo: TUK15RNNTU trên hệ thống thông tin điện tử ký bởi **Công ty cổ phần T1**. **H** trả lại cho chị **Nông Thị S** số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị **S** đã nộp đủ án phí của vụ án. Anh **Phan Anh T** không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND **TP . Tuyên Quang** (02 bản);
- Chi cục THADS **TP . Tuyên Quang** (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Kim Phú (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà